TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** TỈNH BÌNH ĐỊNH Bản án số: 976/2019/HNGĐ-ST Ngày: 15/10/2019 *"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiệp

Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hoàng Long
2. Bà Cao Thị Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Trúc Phương-Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 719/2019/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2019/QĐXX-ST ngày 20 tháng 9 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh Bùi Thành Đ- SN: 1979
Trú tại: Lý C, Nhơn L, thành phố Quy Nhơn, Bình Định

Bị đơn: Chị Ngô Thị H- SN: 1979
Trú tại: Lý C, Nhơn L, thành phố Quy Nhơn, Bình Định

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: chị Ngô Thị Q- SN: 1970
Trú tại: Lý C, Nhơn L, thành phố Quy Nhơn, Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/7/2019 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Bùi Thành Đ trình bày:

Anh và chị Ngô Thị H tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 1998, năm 2004 tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhơn L, thành phố Quy Nhơn, Bình Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 4/2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H nhiều lần tự ý bỏ đi khỏi nhà, không có trách nhiệm với gia đình, anh và gia đình khuyên giải nhưng chị H không quay về và khẳng định không muốn sống chung với anh nữa. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2018. Nay tình cảm, trách nhiệm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không hàn gắn được nên xin ly hôn chị Ngô Thị H.

Về con chung: Anh và chị Ngô Thị H có hai con chung là Bùi Thành Đ - sinh

ngày 16/10/1998 và Bùi Thị Mỹ D- sinh ngày 24/8/2013, sức khỏe các con bình thường, hiện đang ở với anh. Ly hôn, anh đồng ý giao Bùi Thị Mỹ D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi Bùi Thị Mỹ D 2.000.000đ/tháng theo yêu cầu chị H.

Về tài sản chung: Anh và chị Ngô Thị H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị H có mượn và còn nợ chị Ngô Thị Q 30.000.000đ, anh tự nguyện nhận trả hết số tiền này cho chị Q (nếu chị Q yêu cầu), trả dần mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ.

Tại bản khai ngày 13 /8/2019 và các lời khai tiếp theo bị đơn chị Ngô Thị H trình bày:

Chị và anh Bùi Thành Đ sống chung từ năm 1998, tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2004 tại UBND xã Nhơn L, thành phố Quy Nhơn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 4/2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ ăn nhậu, xúc phạm nên chị bỏ đi làm ăn. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2018. Nay chị đã trở về nhà sống với con, tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn có thể hàn gắn được nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Đ.

Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh Bùi Thành Đ có hai con chung là Bùi Thành Đ - sinh ngày 16/10/1998 và Bùi Thị Mỹ D- sinh ngày 24/8/2013. Bùi Thành Đ đã trưởng thành, Bùi Thị Mỹ D đang ở với chị. Nếu ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng Bùi Thị Mỹ D, anh Đ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Chị và anh Bùi Thành Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Bùi Thành Đ có mượn và còn nợ chị Ngô Thị Q 30.000.000đ. Nếu Ly hôn, chị và anh Đ mỗi người trả cho chị Q 15.000.000đ (nếu chị Q có yêu cầu).

Tại bản khai ngày 20/8/2019 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị Q trình bày:

Chị là chị ruột Ngô Thị H, năm 2017 chị có cho vợ chồng Ngô Thị H, Bùi Thành Đ mượn 40.000.000đ, mượn không kỳ hạn, không ghi giấy nợ. Sau khi mượn, vợ chồng H, Đ đã trả 10.000.000đ, còn lại 30.000.000đ chưa trả. Nay vợ chồng H, Đ ly hôn, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền vợ chồng H, Đ còn nợ nêu trên mà để tự thỏa thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phát biểu ý kiến:

Về pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị gửi thông báo về việc thu thập tài liệu chứng cứ cho Viện kiểm sát theo khoản 2 Điều 26 Quy chế phối hợp giữa Tòa án và Viện kiểm sát. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị Q có đơn đề nghị vắng mặt, nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt chị Q quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Về pháp luật nội dung: Anh Đ chị H tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhơn L, thành phố Quy Nhơn đúng quy định Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Anh Đ kiên

quyết ly hôn, còn chị H không đồng ý, nhưng cũng thừa nhận nhiều lần bỏ nhà đi, vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2018. Cho nên, anh Đ yêu cầu ly hôn chị H là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ và chị H thống nhất có hai con chung là Bùi Thành Đ - sinh ngày 16/10/1998 và Bùi Thị Mỹ D- sinh ngày 24/8/2013. Hiện tại chị H đã về nhà nên thỏa thuận giao Bùi Thị Mỹ D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu, nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về án phí: anh Bùi Thành Đ phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Vụ án có quan hệ "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" quy định tại khoản 1 Điều 28 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị Q đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt chị Quyến quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Thành Đ và chị Ngô Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 88, quyển số 01 ngày 10/11/2004 tại UBND xã Nhơn L, thành phố Quy Nhơn là đủ điều kiện quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân giữa anh Đ và chị H là hợp pháp.

Tại phiên tòa: Anh Đ kiên quyết ly hôn, còn chị H không đồng ý ly hôn nhưng cũng thừa nhận nhiều lần bỏ nhà đi, vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2018 đến nay. Chứng tỏ, hôn nhân giữa anh Đ và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Vì vậy, anh Đ yêu cầu ly hôn chị H là có căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]Về con chung, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Anh Bùi Thành Đ và chị Ngô Thị H thống nhất có hai con chung là Bùi Thành Đ - sinh ngày 16/10/1998 và Bùi Thị Mỹ D- sinh ngày 24/8/2013.

Việc anh Bùi Thành Đ và chị Ngô Thị H tự nguyện thỏa thuận giao Bùi Thị Mỹ D cho chị Ngô Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Bùi Thành Đ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng là có căn cứ quy định tại Điều 81của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]Tài sản chung: Anh Bùi Thành Đ và chị Ngô Thị H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu, HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]Nợ chung: Anh Bùi Thành Đ và chị Ngô Thị H đều thừa nhận có mượn và hiện nay còn nợ chị Ngô Thị Q 30.000.000đ. Còn chị Q cũng công nhận anh Đ và chị H có mượn hiện nay còn nợ chị 30.000.000đ, nhưng lại không yêu cầu tòa án giải

quyết mà để tự thỏa thuận. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của chị Q, quy định tại Điều 5 Bộ luật TTDS năm 2015 nên HĐXX ghi nhận.

[6] Về án phí: anh Bùi Thành Đ phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST và 300.000đ án phí người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39,147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và 107 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2006/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Thành Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Thành Đ được ly hôn chị Ngô Thị H.

2. Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

Anh Bùi Thành Đ và chị Ngô Thị H có hai con chung là Bùi Thành Đ - sinh ngày 16/10/1998 và Bùi Thị Mỹ D- sinh ngày 24/8/2013.

Giao Bùi Thị Mỹ D- sinh ngày 24/8/2013 cho chị Ngô Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Bùi Thành Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Bùi Thị Mỹ D mỗi tháng 2.000.000đ(Hai triệu đồng)

Sau khi ly hôn, anh Bùi Thành Đ và chị Ngô Thị H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên, không ai được cản trở; đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Anh Bùi Thành Đ và chị Ngô Thị H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu, HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Nợ chung: Ghi nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết về số tiền anh Bùi Thành Đ, chị Ngô Thị H còn nợ 30.000.000đ(Ba mươi triệu đồng) của chị Ngô Thị Q.

5. Về án phí: Anh Bùi Thành Đ phải chịu 300.000đồng án phí HNGĐ-ST, và 300.000đ án phí người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001769 ngày 05/8/2019 của Chi cục Thị hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, anh Đ còn phải nộp 300.000đồng.

6. Về quyền kháng cáo: anh Bùi Thành Đ, chị Ngô Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Ngô Thị Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản bán được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSNDTP Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP Quy Nhơn;
- UBND xã Nhơn Lý;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Hiệp